

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2019/DS-ST  
Ngày: 08-8-2019  
V/v Tranh chấp về hợp đồng  
vay tài sản, hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thế Văn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Hùng

Ông Phạm Văn Trung

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:*** Bà Lê Thị Kim Trang là kiểm sát viên

Trong các ngày 06 và 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐST-DS ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958 nơi cư trú: tổ 14, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có mặt.

***- Bị đơn:***

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956

2. Anh Trịnh Minh T, sinh năm 1983

Bà X và anh T cùng nơi cư trú: tổ 10, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2018 và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:* Bà có làm chủ hui, bà X có tham gia của bà 05 đây hui, bà X còn nợ tiền hui của bà tổng cộng 353.000.000đ theo biên nhận ngày 24/12/2016 có chữ ký của bà X. Bà còn cho bà X và anh T(con bà X) vay

nhiều lần tổng cộng 600.000.000 đồng theo 04 biên nhận nợ ngày 20/8/2015 âl vay 100.000.000 đồng có chữ ký của bà X, anh T; ngày 20/02/2016 âl vay 200.000.000 đồng có chữ ký của bà X, anh T; ngày 02/10/2016 âl vay 200.000.000 đồng và ngày 13/12/2016 âl vay 100.000.000 đồng do bà X ký tên. Từ khi vay đến nay, bà X và anh T chưa trả vốn và lãi.

Nay bà yêu cầu bà X trả tiền hụi 353.000.000 đồng; bà X và anh T có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay là 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:* Bà có tham gia hụi do bà M làm chủ hụi 05 đây hụi và nợ số tiền 353.000.000 đồng theo đúng như biên nhận ngày 24/12/2016. Về tiền vay, bà chỉ vay 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/8/2015 có chữ ký của bà và anh T. Đối với các khoản vay còn lại bà không thừa nhận, việc bà có ký tên vào các biên nhận còn lại hay không thì bà không nhớ, bà xác định bà có ký nhiều giấy tờ cho bà M nhưng do tin tưởng nhau nên bà không có đọc lại nội dung trước khi ký.

Bà đồng ý trả bà M tiền hụi 353.000.000 đồng và tiền vay 100.000.000 đồng, tổng cộng 453.000.000 đồng, xin bỏ lãi và trả dần 3.000.000đ/tháng, khi nào có tiền thì sẽ trả thêm.

*Tại phiên tòa,* nguyên đơn bà M giữ nguyên yêu cầu trả tiền hụi 353.000.000 đồng, tiền vay 600.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi tiền hụi, chỉ yêu cầu tính lãi tiền vay với mức lãi 1%/tháng từ ngày vay đến khi xét xử xong vụ án.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:*

+ Việc tuân theo pháp luật, xác định Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai là vi phạm quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Bà M và bà X thống nhất tiền hụi bà X nợ 353.000.000 đồng. Về tiền vay, bà X không phản đối các biên nhận nợ có chữ ký của bà X và anh T xem như bà X thừa nhận có nợ 600.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà X trả bà M tiền hụi 353.000.000 đồng, tiền vay 300.000.000 đồng và lãi tiền vay. Bà X và anh T có nghĩa vụ liên đới trả bà M tiền vay 300.000.000 đồng và lãi tiền vay theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bà X có đơn xin hoãn phiên tòa do bà đang nằm viện điều trị theo giấy xác nhận nằm viện ngày 02-8-2019 của Bệnh viện đa khoa Nhật Tân. Tuy nhiên, giấy ra viện ngày 05-8-2019 của Bệnh viện đa khoa Nhật Tân thể hiện bà X nhập viện ngày 31-7-2019, bà X ra viện lúc 9 giờ 30 phút ngày 05-8-2019

với chuẩn đoán bệnh là hen suyễn, trào ngược dạ dày. Do đó, bà X xin hoãn phiên tòa với lý do còn đang nằm viện điều trị là không đúng thực tế nên không được chấp nhận.

Bà X và anh T là bị đơn, đã được triệu tập xét xử phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Tại biên bản đối chất ngày 26-02-2019, bà M và bà X thống nhất bà X nợ tiền hội 353.000.000 đồng theo biên nhận ngày 24-12-2016. Về tiền vay, bà M yêu cầu bà X trả 600.000.000 đồng theo 04 biên nhận, bà X chỉ thừa nhận bà và con bà là anh T có vay tiền 100.000.000 đồng và cùng ký tên biên nhận ngày 20-8-2015, bà X không thừa nhận vay 500.000.000 đồng theo 03 biên nhận ngày 20-02-2016, ngày 02-10-2016 và ngày 13-12-2016. Bà X cho rằng bà có ký tên rất nhiều giấy tờ cho bà M, nhưng 03 biên nhận này bà có ký tên hay không thì bà không nhớ.

[2.2] Bà X thừa nhận bà có ký tên nhiều giấy tờ cho bà M nhưng bà X không phản đối 03 biên nhận có chữ ký tên được cho của bà xem như bà X thừa nhận các chữ ký trên 03 biên nhận là của bà X. Do đó, bà X có nghĩa vụ trả tiền vay 600.000.000 đồng theo 04 biên nhận ngày 20-8-2015, ngày 20-02-2016, ngày 02-10-2016 và ngày 13-12-2016.

[2.3] Bà M yêu cầu tính lãi tiền hội và tiền vay nhưng tại phiên tòa bà M chỉ yêu cầu tính lãi tiền vay từ ngày làm biên nhận đến khi xét xử với lãi suất 1%/tháng là có lợi cho bà X và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Bà X không chứng minh được đã trả lãi cho bà M nên ngoài tiền vốn vay, bà X còn phải trả lãi cho bà M. Số tiền lãi được tính như sau:

- Tiền lãi của tiền vay 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/8/2015 âl (nhằm ngày 02/10/2015):  $100.000.000 \times 1\%/\text{tháng} \times 03 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 46.200.000 \text{ đồng}$

- Tiền lãi của tiền vay 200.000.000 đồng của biên nhận ngày 20/02/2016 âl (nhằm ngày 28/3/2016):  $200.000.000 \times 1\%/\text{tháng} \times 03 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 80.733.000 \text{ đồng}$

- Tiền lãi của tiền vay 200.000.000 đồng biên nhận ngày 02/10/2016 âl (nhằm ngày 01/11/2016):  $200.000.000 \times 1\%/\text{tháng} \times 2 \text{ năm } 09 \text{ tháng } 7 \text{ ngày} = 66.466.000 \text{ đồng}$

- Tiền lãi của tiền vay 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 13/12/2016 âl (nhằm ngày 10/01/2017) =  $100.000.000 \times 1\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 29.933.000 \text{ đồng}$ .

[2.4] Về trách nhiệm thanh toán, bà X có nghĩa vụ trả bà M tiền hội 353.000.000 đồng và tiền vay của hai biên nhận do một mình bà X ký tên ngày 02-10-2016âl và ngày 13-12-2016âl là 300.000.000 đồng và lãi 96.399.000 đồng,

tổng cộng 396.399.000 đồng. Bà X và anh T cùng ký hai biên nhận ngày 20-8-2015<sup>l</sup> và ngày 20-02-2016<sup>l</sup> nên có nghĩa vụ liên đới trả bà M tiền vay 300.000.000 đồng và lãi 126.933.000 đồng, tổng cộng 426.933.000 đồng

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà X là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm

Anh T phải chịu  $\frac{1}{2}$  án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền có nghĩa vụ liên đới.

Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M

Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị M tiền hui 353.000.000 đồng, tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi vay 96.399.000 đồng, tổng cộng 749.399.000 (bảy trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ liên đới trả bà M 300.000.000 đồng và lãi 126.933.000 đồng, tổng cộng 426.933.000 (bốn trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng)

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, bà X và anh T không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Bà X được miễn án phí dân sự sơ thẩm

Anh T phải chịu 10.538.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà X và anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự Châu Phú;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thế Văn**